TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-PT
Ngày 29-7-2022
*V/v: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hồng Quân và ông Vũ Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tố Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái***: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022, về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Đỗ Thanh Ph, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 7, phường YN, thành phố YB, tỉnh Yên Bái (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Giang Thị H, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ 3, phường YN, thành phố YB, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Người làm chứng:

- Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1957

Địa chỉ: Tổ 7, phường YN, thành phố YB, tỉnh Yên Bái.

- Chị Trần Diệu Th, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ 3, phường YN, thành phố YB, tỉnh Yên Bái.

- Ông Phạm Đức H1, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số nhà 47, tổ dân phố PT, phường NP, thành phố YB, tỉnh Yên Bái.

- Anh Bùi Đức D, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 3, phường YN, thành phố YB, tỉnh Yên Bái.

- Anh Nguyễn Đăng T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn ĐK, xã ÂL, thành phố YB, tỉnh Yên Bái.

- Anh Trần Ánh D1, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số nhà 152, đường NML, tổ 4, phường HM, thành phố YB, tỉnh Yên Bái.

(Những người làm chứng đều vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Anh Đỗ Thanh Ph là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Đỗ Thanh Ph trình bày:

Anh Đỗ Thanh Ph có đăng ký kinh doanh vật liệu xây dựng. Anh Ph đã nhiều lần bán vật liệu xây dựng cho bà Giang Thị H là mẹ đẻ của chị Trần Diệu Th (chị Th là vợ cũ của anh Ph), cụ thể:

Từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017, anh Ph nhiều lần bán vật liệu xây dựng cho bà H để xây dựng căn nhà tại địa chỉ số 23 đường CT, phường YN, thành phố YB, tỉnh Yên Bái. Toàn bộ tiền mua vật liệu của bà H được ghi chép vào sổ nợ năm 2017 do bà Đỗ Thị N và chị Trần Diệu Th ghi. Tổng số tiền bà H mua vật liệu xây dựng còn nợ là 242.981.600 đồng.

Từ tháng 7 năm 2018 đến tháng 11 năm 2018, anh Ph nhiều lần bán vật liệu xây dựng cho bà H để xây dựng căn nhà tại địa chỉ tổ 3, phường YN, thành phố YB, tỉnh Yên Bái. Số vật liệu xây dựng bà H đã mua được ghi chép cụ thể vào sổ ghi nợ 2018, số tiền còn nợ là: 238.867.200 đồng được trừ 70.000.000 đồng tiền anh Ph nợ bà H, nên bà H còn nợ anh Ph số tiền mua vật liệu xây dựng là 168.867.200 đồng.

Việc bán vật liệu xây dựng cho bà H do anh Ph và bà Đỗ Thị N (mẹ anh Ph) trực tiếp thực hiện. Khi giao hàng, có lần bà H nhận, có lần nhờ thợ xây là các anh Bùi Đức D, Bùi Đức T1, Bùi Đức B, Lê Mạnh Q, X, Q1 và chị Trần Diệu Th (con gái bà H) nhận hàng và ký hộ trong phiếu giao hàng.

Do thời điểm bà H mua vật liệu xây dựng của anh Ph thì giữa anh Ph và bà H vẫn còn mối quan hệ là mẹ vợ và con rể, nên nhiều phiếu giao hàng do tin tưởng anh Ph không yêu cầu bà H ký tên vào phần người nhận hàng.

Việc mua bán vật liệu giữa anh Ph và bà H còn được thể hiện qua tài khoản Zalo bằng số điện thoại của anh Ph là 0976xxxxxx và tài khoản Zalo của bà Giang Thị H từ số điện thoại của bà H là 0976xxxxxx, trên điện thoại của anh Ph có lưu số điện thoại của bà H là "Bà H mẹ Th" và mạng Zalo mặc định tài khoản Zalo của bà H trên điện thoại của anh Ph theo danh bạ đã được lưu. Anh Ph bán vật liệu xây dựng cho bà H tại công trình số nhà 23, đường CT, phường YN, thành phố YB, tỉnh Yên Bái (thời gian xây dựng từ tháng 5 đến tháng 12 năm 2017) và công trình nhà riêng của bà H tại tổ 3, phường YN, thành phố YB, tỉnh Yên Bái (thời gian xây dựng từ tháng 7 năm 2018 đến tháng 11 năm 2018).

Các tài liệu chứng cứ liên quan anh Ph đã giao nộp cho Tòa án gồm: Sổ ghi nợ năm 2017, sổ ghi nợ năm 2018, toàn bộ các phiếu giao hàng, tài liệu in

đoạn hội thoại giữa anh Ph và bà H qua tin nhắn Zalo.

Anh Ph được cấp đăng ký kinh doanh hộ gia đình và do một mình anh Ph kinh doanh nên đây là tài sản riêng của anh.

Nay anh Đỗ Thanh Ph yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Giang Thị H phải trả tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ, gồm:

- Tiền mua vật liệu xây dựng để xây nhà tại địa chỉ số 23 đường CT, phường YN, thành phố YB, tỉnh Yên Bái là 242.981.600 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/4/2022 = 52 tháng x 10%/năm = 242.981.600 đồng x 52 tháng x 10%/năm = 105.292.000 đồng (làm tròn).

- Tiền mua vật liệu xây dựng để xây nhà tại địa chỉ tổ 3, phường YN, thành phố YB, tỉnh Yên Bái là 168.867.200 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 30/4/2022 = 41 tháng x 10%/năm = 168.867.200 đồng x 41 tháng x 10%/năm = 57.696.000 đồng (làm tròn).

Theo bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Giang Thị H xác định:

Từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017, bà Giang Thị H có xây 01 căn nhà tại địa chỉ số 23 đường CT, phường YN, thành phố YB, tỉnh Yên Bái. Bà H có mua vật liệu xây dựng của anh Đỗ Thanh Ph (khi đó là con rể bà H). Bà H không nhớ số lượng, chủng loại vật liệu và giá các loại vật liệu xây dựng đã mua của anh Ph nhưng bà đã thanh toán đầy đủ cho anh Ph.

Từ tháng 7 năm 2018 đến tháng 11 năm 2018, bà H xây một căn nhà tại địa chỉ tổ 3, phường YN, thành phố YB, tỉnh Yên Bái. Trong quá trình xây dựng bà H vẫn mua vật liệu xây dựng của anh Ph. Bà H cũng không nhớ được chính xác số lượng, chủng loại và tổng số tiền đã mua vật liệu xây dựng của anh Ph là bao nhiêu tiền nhưng bà H đã thanh toán đầy đủ số tiền mua vật liệu cho anh Ph. Tuy nhiên, do lúc đó con gái bà H là Trần Diệu Th và anh Ph chưa ly hôn nên khi thanh toán tiền cho anh Ph cũng không yêu cầu anh Ph lập văn bản đã trả tiền hay giấy xác nhận.

Nay anh Ph khởi kiện yêu cầu trả tiền vật liệu xây dựng, bà H có ý kiến như sau:

- Đối với yêu cầu trả tiền mua vật liệu xây dựng căn nhà tại địa chỉ số 23 đường CT, phường YN, thành phố YB mà bà H đã xây dựng năm 2017 là 242.981.600 đồng và tiền lãi, bà H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của anh Ph vì đã thanh toán đủ tiền cho anh Ph.

- Đối với yêu cầu trả tiền mua vật liệu xây dựng xây nhà tại địa chỉ tổ 3, phường YN, thành phố YB, tỉnh Yên Bái năm 2018 với số tiền là 168.867.200 đồng và tiền lãi. Bà H chỉ đồng ý thanh toán đối với các giấy giao hàng có chữ ký của người mua hàng, với tổng số tiền là 98.418.200 đồng, cụ thể:

+ Số tiền bà H trực tiếp mua vật liệu xây dựng có ký nhận tổng cộng là 41.168.000 đồng (trong đó số tiền các lần mua do bà Đỗ Thị N bán là 13.019.000 đồng, số tiền các lần anh Ph bán là 28.149.000 đồng).

+ Đối với các phiếu giao hàng có ký nhận của Trần Diệu Th và thợ xây

nhận vật liệu giúp bà H khi không có mặt, bà H đồng ý trả, gồm: Anh Bùi Đức D nhận vật liệu các ngày 24/7, 25/7, 03/8, 04/8, 05/8, 25/8, 27/8 và 06/9 năm 2018 với tổng số tiền là 29.340.200 đồng. Anh Bùi Đức T1 nhận vật liệu các ngày 03/8, 06/8, 09/8, 21/8 năm 2018 với tổng số tiền là 8.820.000 đồng. Anh Bùi Đức B nhận vật liệu các ngày 02/8,18/8,19/8,16/10 năm 2018 với tổng số tiền là 5.150.000 đồng. Anh Q1 (là thợ xây bà H không nhớ họ tên đầy đủ) nhận vật liệu xây dựng ngày 11/10/2018 với số tiền là 2.340.000 đồng. Anh X (là thợ xây bà H không nhớ họ tên đầy đủ) nhận vật liệu xây dựng ngày 22/8, 24/8, 04/9 năm 2018 với tổng số tiền là 4.750.000 đồng. Anh Lê Mạnh Q nhận vật liệu xây dựng ngày 27/9/2018 với số tiền là 2.300.000 đồng. Trần Diệu Th nhận vật liệu xây dựng ngày 02/8/2018 với tổng số tiền là 4.550.000 đồng.

Bà H có sử dụng số điện thoại 0976xxxxxx để khởi tạo tài khoản Zalo. Bà H thừa nhận có nhắn tin qua tài khoản zalo với anh Ph có nội dung liên quan đến tiền mua vật liệu, tiền mua quán và một số nội dung khác như nội dung tập tin hội thoại anh Đỗ Thanh Ph đã in và giao nộp cho Tòa án ngày 08/3/2022. Bà H có thả tim và like vào các nội dung tin nhắn đã đọc chứ không xác nhận tiền nợ vật liệu và tiền vay giữa bà H và anh Ph.

Bà H xác định khi bên anh Ph giao hàng đều có người ký nhận, nếu bà H vắng mặt thì thợ xây hoặc con gái nhận hộ, bà H thừa nhận có nhờ các anh Bùi Đức D, Bùi Đức T1, Bùi Đức B, Lê Mạnh Q, X, Q1 và con gái Trần Diệu Th nhận hộ vật liệu xây dựng, do đó các phiếu giao hàng không có chữ ký của người mua hàng (người nhận hàng) mà anh Ph đã giao nộp cho Tòa án bà H không chấp nhận. Ngoài ra các yêu cầu khác của anh Ph, bà H cũng không chấp nhận.

Bà H không yêu cầu Tòa án lấy lời khai của những người nhận vật liệu xây dựng hộ và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Những người làm chứng:

* Bà Đỗ Thị N xác định:

Bà N là mẹ đẻ của anh Đỗ Thanh Ph. Trước đây bà N và bà Giang Thị H có mối quan hệ là thông gia với nhau. Năm 2017 và 2018, bà H có mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng của anh Đỗ Thanh Ph, trong đó vào năm 2018 bà N nhiều lần là người trực tiếp giao hàng cho bà H, có lần giao hàng cho thợ xây nhà bà H, do mối quan hệ thông gia nên nhiều lần bà N giao hàng mà không yêu cầu bà H ký tên vào người nhận hàng trong phiếu giao hàng.

Cụ thể: Bà N đã bán vật liệu cho bà H với tổng số tiền là 72.757.000 đồng (theo các phiếu giao hàng) trong đó:

- Bà H có ký nhận trong phiếu giao hàng là: 13.019.000 đồng.

- Bà H không ký nhận trong phiếu giao hàng là: 46.218.000 đồng.

- Bà H nhờ thợ tên là D ký nhận hàng thay là: 8.380.000 đồng.

- Bà H nhờ thợ tên là T1 ký nhận hàng thay là: 2.800.000 đồng.

- Bà H nhờ thợ tên là Q1 ký nhận hàng thay là: 2.340.000 đồng

Vật liệu xây dựng là tài sản của anh Đỗ Thanh Ph, bà N chỉ là người trông

coi và bán hàng hộ khi anh Ph bận công việc, thường anh Ph là người trực tiếp giao dịch với khách hàng, bà N và chị Trần Diệu Th (là vợ cũ của anh Ph) là người giúp anh Ph theo dõi, quản lý sổ sách bán hàng, ghi chép sổ bán hàng, sổ nợ, sau khi anh Ph tổng hợp, kiểm kê phiếu giao hàng. Các khoản nợ anh Ph khởi kiện là tài riêng của anh Ph, không phải là tài sản chung của anh Ph và chị Th hay của hộ gia đình bà N.

* Chị Trần Diệu Th xác định:

Năm 2017, mẹ đẻ chị Th là bà Giang Thị H có làm nhà tại địa chỉ số nhà 23 đường CT, phường YN, thành phố YB, tỉnh Yên Bái có mua vật liệu xây dựng của anh Đỗ Thanh Ph. Sau đó, bà H đã thanh toán hết tiền nhưng khi đó chị Th và anh Ph vẫn là vợ chồng, chưa ly hôn nên bà H không yêu cầu lập văn bản xác nhận đã thanh toán tiền.

Đến năm 2018, bà H xây nhà tại địa chỉ tổ 3, phường YN, thành phố YB, tỉnh Yên Bái và tiếp tục mua vật liệu xây dựng của anh Ph. Trong đó có một lần chị Th nhận vật liệu xây dựng thay bà H vào ngày 02/8/2018 có giá trị là 4.550.000 đồng.

Trong thời kỳ hôn nhân chị Th và anh Ph không có tài sản chung và nợ chung. Vật liệu xây dựng bà H mua là tài sản kinh doanh riêng của anh Ph, chị Th không có liên quan.

* Ông Phạm Đức H1 và anh Bùi Đức D cùng xác định:

Năm 2017 và năm 2018, ông H1 và anh D là thợ xây nhà cho bà Giang Thị H tại địa chỉ số 23 đường CT, phường YN, thành phố YB, tỉnh Yên Bái và tại địa chỉ tổ 3, phường YN, thành phố YB, tỉnh Yên Bái. Ông H1 và anh D có nhận vật liệu xây dựng của anh Ph hộ bà H để xây nhà nhưng không nhớ cụ thể nhận mấy lần, số lượng bao nhiêu vào thời gian nào. Việc bà H đã thanh toán trả tiền mua vật liệu cho anh Ph chưa, ông H1 và anh D cũng không biết. Ông H1, anh D không liên quan đến việc mua bán vật liệu xây dựng giữa anh Ph và bà H.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2022 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 29/2022/QĐ-SCBSBA ngày 02/6/2022 của Toà án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái đã Quyết định:

Căn cứ Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 116, 117, 118, 119, 357, 431, 433, 434, 440, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Thanh Ph. Buộc bà Giang Thị H phải trả cho anh Đỗ Thanh Ph số tiền là 132.044.200 đồng (một trăm ba mươi hai triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đỗ Thanh Ph đối với yêu cầu bà Giang Thị H phải trả tiền mua vật liệu xây dựng là 442.792.600 đồng (bốn trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm đồng).

3. Về án phí: Anh Đỗ Thanh Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.711.704 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Ph đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái là 12.900.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000093 ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố YB, tỉnh Yên Bái. Anh Ph còn phải nộp số tiền án phí là 8.811.704 đồng. Bà Giang Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.602.210 đồng (bà H chưa nộp).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm trả, hướng dẫn thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 07/6/2022, anh Đỗ Thanh Ph kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét buộc bà Giang Thị H phải trả lại số tiền mua vật liệu còn nợ, tổng cộng hai công trình là 411.857.800 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán của từng công trình.

* Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm;

- Anh Đỗ Thanh Ph có cung cấp một số ảnh chụp màn hình tin nhắn zalo giữa anh Ph và bà H, anh Ph xác định Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét. Nội dung này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá đầy đủ, đây không phải là tình tiết mới.

- Anh Đỗ Thanh Ph đề nghị thu thập một số tài liệu, chứng cứ như: Lấy lời khai của bà Đỗ Thị N; thu thập giấy ghi nợ ngày 30/6/2018 giữa anh Ph và bà Giang Thị H; lấy lời khai của (chị Trần Diệu Th, anh Bùi Đức D, ông Phạm Đức H1); kiểm tra ảnh chụp lời khai bổ sung của bà H; bản án số 11/2021/TCDS-ST ngày 14/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái. Xét thấy, các tài liệu, chứng cứ anh Ph yêu cầu đã được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập đầy đủ trong hồ sơ vụ án.

- Bà Đỗ Thị N, anh Đỗ Thanh Ph có đơn đề nghị Tòa án đưa bà Đỗ Thị N, chị Trần Diệu Th tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, lời khai của bà N xác định: Các khoản nợ anh Ph khởi kiện là tài riêng của anh Ph, không phải là tài sản chung của anh Ph và chị Th hay của hộ gia đình bà N. Chị Th xác định: Trong thời kỳ hôn nhân chị Th và anh Ph không có tài sản chung và nợ chung. Vật liệu xây dựng bà H mua là tài sản kinh doanh riêng của anh Ph, chị Th không có liên quan. Nên việc xác định tư cách tham gia tố tụng như bản án sơ thẩm là phù hợp.

* Tại phiên toà phúc thẩm:

- Người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến trước khi Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn (anh Đỗ Thanh Ph). Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số

06/2022/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đương sự có kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên;

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của anh Đỗ Thanh Ph trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về xác định tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng là đúng quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung vụ án:

Anh Đỗ Thanh Ph yêu cầu bà Giang Thị H phải trả tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ, gồm:

- Tiền mua vật liệu xây dựng để xây nhà tại địa chỉ số 23 đường CT, phường YN, thành phố YB, tỉnh Yên Bái là 242.981.600 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/4/2022 = 52 tháng x 10%/năm = 242.981.600 đồng x 52 tháng x 10%/năm = 105.292.000 đồng (làm tròn). Tổng cộng là: 242.981.600 đồng + 105.292.000 đồng = 348.273.600 đồng.

- Tiền mua vật liệu xây dựng để xây nhà tại địa chỉ tổ 3, phường YN, thành phố YB, tỉnh Yên Bái là 168.867.200 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 30/4/2022 = 41 tháng x 10%/năm = 168.867.200 đồng x 41 tháng x 10%/năm = 57.696.000 đồng (làm tròn). Tổng cộng là: 168.867.200 đồng + 57.696.000 đồng = 226.563.200 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

* Tại quyển sổ ghi chép ngoài bìa có ghi "Bà ngoại Gấu" năm 2017 (bút lục 71) do anh Ph giao nộp có thể hiện tên vật tư các loại hàng gồm có sắt, xi măng, gạch, cát, đá, gạch ốp lát, thiết bị điện nước, số lượng, giá tiền từ trang 01 đến trang 14, cộng chốt sổ 242.981.600 đồng. Toàn bộ nội dung trong sổ không có chữ ký của bà Giang Thị H. Theo anh Ph, quyển sổ này do bà Đỗ Thị

N và chị Trần Diệu Th ghi chép để theo dõi số nợ tiền vật liệu của bà H khi xây nhà tại địa chỉ số 23 đường CT, phường YN, thành phố YB, tỉnh Yên Bái. Tuy nhiên, bà H không công nhận số nợ, anh Ph cũng không đưa ra được chứng cứ về việc bà H nợ tiền mua vật liệu xây dựng nhà tại địa chỉ số 23 đường CT, phường YN, thành phố YB, tỉnh Yên Bái. Do vậy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của anh Ph buộc bà H phải trả số tiền mua vật liệu xây dựng là 242.981.600 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 105.292.000 đồng, tổng là 348.273.600 đồng.

* Tại quyển sổ ghi chép ngoài bìa có ghi "Bà ngoại Gấu" 2018 (bút lục 72) do nguyên đơn anh Đỗ Thanh Ph giao nộp được đánh số trang từ trang 01 đến trang 05, không có chữ ký nhận nợ của bà Giang Thị H. Đối với các phiếu giao hàng do anh Ph giao nộp có chữ ký của bà N là người bán hàng và các phiếu giao hàng do anh Ph ký người bán hàng hoặc người giao hàng đều không có chữ ký của người nhận hàng. Tập tin nhắn đoạn hội thoại trên tài khoản Zalo, bà H không thừa nhận nội dung tin nhắn trên đoạn hội thoại Zalo giữa bà H và anh Ph là xác nhận việc nợ tiền mua bán vật liệu xây dựng. Bà N, chị Th và những người làm chứng khác chỉ biết anh Ph có bán vật liệu xây dựng cho bà H xây nhà, không biết cụ thể việc thanh toán giữa anh Ph và bà H. Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của anh Ph buộc bà Giang Thị H phải trả số tiền theo quyển sổ ghi chép không có người ký nhận nợ và các phiếu giao hàng không có người ký nhận hàng.

Đối với các phiếu giao hàng có chữ ký của người nhận hàng, bà Giang Thị H công nhận có mua vật liệu xây dựng tại các phiếu giao hàng này và nhận trách nhiệm trả nợ cho anh Ph, với tổng số tiền là 98.418.200 đồng (bút lục 115), do đó có cơ sở chấp nhận.

Anh Ph và bà H không thỏa thuận thời hạn thanh toán tiền mua vật liệu xây dựng nên bà H có nghĩa vụ phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận vật liệu xây dựng. Tổng số tiền là 98.418.200 đồng được phát sinh từ tháng 7 năm 2018 đến tháng 11 năm 2018. Anh Ph yêu cầu tính lãi từ ngày 01/12/2018 đến ngày 30/4/2022, yêu cầu tính lãi chậm thanh toán của anh Ph phù hợp với quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận, cần buộc bà H phải trả tiền lãi chậm thanh toán là 98.418.000 đồng x 41 tháng x 10%/năm = 33.626.000 đồng (làm tròn).

Như vậy, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Ph, buộc bà H phải trả cho anh Ph số tiền mua vật liệu xây dựng để xây nhà tại địa chỉ tổ 3, phường YN, thành phố YB, tỉnh Yên Bái và số tiền lãi chậm trả là: 98.418.200 đồng + 33.626.000 đồng = 132.044.200 đồng như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định là có căn cứ.

* Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Thanh Ph đối với yêu cầu bà Giang Thị H phải trả tiền mua vật liệu xây dựng là: [(242.981.600 đồng + 105.292.000đồng = 348.273.600 đồng) + (168.867.200 đồng + 57.696.0000 đồng = 226.563.200 đồng] – 132.044.200 đồng = 442.792.600 đồng.

[3] Tổng hợp các phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của các bên đương sự; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Đỗ Thanh Ph.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Đỗ Thanh Ph phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đỗ Thanh Ph; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 118, 119, 357, 430, 431, 433, 434, 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Đỗ Thanh Ph; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái như sau:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Thanh Ph. Buộc bà Giang Thị H phải trả cho anh Đỗ Thanh Ph số tiền là 132.044.200 đồng (một trăm ba mươi hai triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Thanh Ph đối với yêu cầu bà Giang Thị H phải trả tiền mua vật liệu xây dựng là 442.792.600 đồng (bốn trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm đồng).

2. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh Đỗ Thanh Ph phải chịu 21.711.704 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng phí anh Ph đã nộp 12.900.000 đồng theo

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000093 ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Anh Ph còn phải nộp số tiền án phí là 8.811.704 đồng (tám triệu tám trăm mười một nghìn bảy trăm linh bốn đồng).

+ Bà Giang Thị H phải chịu 6.602.210 đồng (sáu triệu sáu trăm linh hai nghìn hai trăm mười đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm (bà H chưa nộp).

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đỗ Thanh Ph phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà anh Ph đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2021/0000269 ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố YB, tỉnh Yên Bái (xác nhận anh Ph đã nộp đủ án phí phúc thẩm).

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT2-TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh YB;
- TAND thành phố YB;
- Chi cục THADS thành phố YB;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân